TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 78/2023/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều N, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vô hiệu giấy sang nhượng nền nhà ngày 24/01/2022 giữa bà Lê Thị Kiều N và anh Trần Minh Đ ở thửa 292, tờ bản đồ số 38, diện tích 91,1m^2, địa chỉ: thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Minh Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 204, tờ bản đồ số 19, diện tích 1179,5m^2, tọa lạc ấp Mỹ Thạnh B, xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long do anh Trần Minh Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số CR 753215, sổ vào sổ cấp GCN: CS10288.

- Anh Trần Minh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền vốn 420.000.000đồng và tiền lãi 80.000.000đồng. Tổng cộng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí đối với hợp đồng vô hiệu và 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 6.075.000đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) nhưng bà N thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ án phí cho bà N.

+ Anh Trần Minh Đ có nghĩa vụ nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí do hợp đồng bị vô hiệu và 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 6.075.000đ (Sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Trà Ôn;
- CCTHADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Thạch Thị Tuyền